

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HS-ST
Ngày 25-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Tùng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Lớn và ông Nguyễn Đăng Thức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Viên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Lương Thành Long, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Mùa A H; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 17/02/1996; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Trưởng bản H, xã H, đại biểu Hội đồng nhân dân xã H (đã bị tạm đình chỉ tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân xã); trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Đảng phái, đoàn thể: Là Đảng viên dự bị Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt); con ông Mùa A S và bà Hạng Thị D; có vợ Hạng Thị C, sinh năm 1997 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Thào A N; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 20/3/1974; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Thào Chổng D (đã chết) và bà Hạng Thị T; có vợ thứ nhất là Hạng Thị P (đã chết), vợ thứ hai là Hạng Thị D, sinh năm 1982 và 05 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành

chính; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. Thào A S; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 09/09/1988; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: chưa qua đào tạo; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Thào A S (đã chết) và bà Mùa Thị M (đã chết); có vợ Hạng Thị N, sinh năm 1985 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2019 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Mùa A H, ông Lường Duy Tuyên là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Thào A N, Thào A S, ông Cầm Trọng Thủy là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng T (tên gọi khác Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên T – PB; Ban quản lý rừng đặc dụng T); Địa chỉ: xã M, huyện P, tỉnh Sơn La. Đại diện là ông Phùng Lạc T, Hạt trưởng hạt kiểm lâm; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cộng đồng bản H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Đại diện là ông Mùa A T, Trưởng bản ủy quyền cho ông Mùa A T, Phó trưởng bản H; có mặt.

- *Người phiên dịch:* ông Thào A C, sinh năm 1971, nơi cư trú: TKV, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nhu cầu muốn có gỗ để làm nhà, cuối tháng 6 năm 2018, Mùa A H không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép mà tự ý vào rừng đặc dụng T chọn 03 cây gỗ Sến đỏ và đánh dấu để xác định sẽ chặt hạ. Khoảng 10 giờ ngày 20/7/2018 H dùng điện thoại di động gọi cho Thào A N để thuê N xẻ gỗ cho H. N đồng ý và rủ thêm Thào A S cùng đi xẻ gỗ.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, N và S mang theo 01 con dao nhọn, 01 chiếc cưa cầm tay màu đỏ đi xe máy cùng đến nhà H và ngủ qua đêm tại đây. Sáng ngày 21/7/2018, H trao đổi cụ thể nội dung công việc xẻ gỗ cho N và S. Theo đó, H sẽ dẫn N và S đến vị trí 03 cây gỗ Sến trong rừng đặc dụng T mà H đã đánh dấu từ trước, N và S có trách nhiệm chặt hạ cây và xẻ thành 11 cột nhà có kích thước phần chân cột vuông là 22cm x 22cm, phần đầu cột vuông 20cm x 20cm. Số gỗ còn lại xẻ thành các thanh xà 10cm x 20cm, độ dài tùy thuộc vào phần thân gỗ còn lại của các cây. Sau khi xong việc H sẽ trả công cho N và S 15.000.000 đồng N và S vẫn đồng ý xẻ gỗ thuê cho H để hưởng tiền công. Sau

khi bàn bạc xong, H dẫn N và S đến vị trí 03 cây gỗ Sến mà H đã đánh dấu trước tại Tiểu khu 383, khoảnh 6, lô 4 thuộc rừng đặc dụng T. H trả trước cho N và S 2.000.000 đồng để mua các công cụ phục vụ cho việc khai thác gỗ như can nhựa loại 20 lít, can nhựa 10 lít, dũa kim loại, thước, dây dù, xăng, gạo, muối... N và S thực hiện việc chặt hạ và xẻ 03 cây gỗ Sến từ ngày 21/7/2018 đến ngày 25/7/2018 thì xong. Trong quá trình N và S chặt hạ, xẻ 03 cây gỗ, H không trực tiếp tham gia nhưng thường xuyên đến giám sát, chỉ đạo N và S xẻ gỗ theo đúng yêu cầu của mình. Ngày 25/7/2018, N và S hoàn thành việc xẻ gỗ. H đến kiểm tra xác nhận việc xẻ gỗ theo yêu cầu của mình rồi cả ba vận chuyển số thanh gỗ xuống cạnh đường dân sinh. Xếp gỗ xong, cả ba đi về nhà H. Tại đây, H trả nốt cho N và S 13.000.000 đồng tiền công còn lại. Số tiền này, N và S chia nhau mỗi người 6.500.000 đồng, cả hai đã chi tiêu hết toàn bộ số tiền mà H đã đưa trả công tiền xẻ gỗ. Do chưa có điều kiện thuê người vận chuyển gỗ mang về bản để làm nhà, nên H vẫn để gỗ thành đống cạnh đường dân sinh.

Phát hiện hành vi vi phạm ngày 23/8/2018, Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng T, Viện kiểm sát nhân dân huyện B tiến hành khám nghiệm hiện trường, đo đạc khối lượng và thu giữ vật chứng tại hiện trường khai thác gỗ trái phép là rừng đặc dụng T thuộc Tiểu khu 383, khoảnh 6, lô 4 thuộc rừng đặc dụng T. Kết quả khám nghiệm đã xác định được khối lượng gỗ thu giữ tại hiện trường: 82 thanh gỗ xẻ là $6,828\text{m}^3$ quy đổi ra gỗ tròn là $10,924\text{m}^3$; 04 khúc gỗ tròn là $5,077\text{m}^3$; 03 gốc cây còn lại (tính từ mặt đất lên) là $2,672\text{m}^3$, tổng khối lượng gỗ đã quy tròn là $18,673\text{m}^3$; 06 mảnh gỗ Sến làm mẫu vật chứng có kích thước cụ thể như sau: 01 mảnh gỗ Sến kích thước: dài 20cm, rộng 17cm, dày 03cm; 01 mảnh gỗ Sến kích thước: dài 12cm, rộng 21cm, dày 09cm; 01 mảnh gỗ Sến kích thước: dài 25cm, rộng 17cm, dày 06cm; 01 mảnh gỗ Sến kích thước: dài 20cm, rộng 11cm, dày 04cm; 01 mảnh gỗ Sến kích thước: dài 22cm, rộng 16cm, dày 04cm; 01 mảnh gỗ Sến kích thước: dài 16cm, rộng 8,9cm, dày 7,3cm. Thu giữ của Thào A S 01 lam cửa máy bằng kim loại, chiều dài của lam 97cm, góc lam rộng 04cm, ngọn lam rộng 09cm, nơi rộng nhất của lam 10cm, độ dày của lam 0,5cm, Lam cũ, đã qua sử dụng; 01 dây xích máy cửa bằng kim loại thép chiều dài của dây xích 2,14m, độ dày của lam 0,4cm. Xích cũ, đã qua sử dụng

Ngày 14/12/2018 Chi cục kiểm lâm tỉnh Sơn La có văn bản số 741/CCKL-TTr, PC xác định 82 thanh gỗ xẻ là $6,828\text{m}^3$ quy đổi ra gỗ tròn là $10,924\text{m}^3$; 04 khúc gỗ tròn là $5,077\text{m}^3$; 03 gốc cây còn lại tại hiện trường là $2,672\text{m}^3$, tổng khối lượng gỗ đã quy tròn là $18,673\text{m}^3$ là gỗ Sến đỏ (*Shorea harmandi* Piere) thuộc nhóm IV, không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm.

Ngày 24/01/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận về giá trị tài sản định giá: 82 thanh gỗ Sến đỏ (gỗ xẻ) là $6,828\text{m}^3$ có trị giá 58.038.000 đồng; 04 khúc gỗ Sến đỏ (gỗ tròn) là $5,077\text{m}^3$ có trị giá 19.800.300 đồng; 03 gốc cây sến còn lại là 4.809.600 đồng.

Tại phiên tòa công khai các bị cáo Mùa A H, Thào A N, Thào A S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS-BY ngày 27/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Mùa A H, Thào A N, Thào A S về tội “Vi phạm quy định về khai thác bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm e khoản 3 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 3 Điều 232; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Mùa A H 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 232; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt các bị cáo Thào A N, Thào A S mỗi bị cáo từ 30 tháng đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao hai bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo; không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng điểm a khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 82 thanh gỗ Sến đỏ (khối lượng 6,828m³ gỗ xẻ); 04 khúc gỗ tròn (khối lượng 5,077m³); 01 lam cửa máy bằng kim loại, chiều dài của lam 97cm, góc lam rộng 04cm, ngọn lam rộng 09cm, nơi rộng nhất của lam 10cm, độ dày của lam 0,5cm, Lam cũ, đã qua sử dụng; 01 dây xích máy cửa bằng kim loại thép chiều dài của dây xích 2,14m, độ dày của lam 0,4cm. Xích cũ, đã qua sử dụng cũ, đã qua sử dụng. Trả lại 03 gốc cây Sến đỏ còn lại có khối lượng là 2,672m³ tại hiện trường cho Ban Quản lý khu rừng đặc dụng T - PB, tỉnh Sơn La. Truy thu tịch thu nộp ngân sách nhà nước 7.500.000 đồng của bị cáo Thào A N và 7.500.000 đồng của bị cáo Thào A S. Tịch thu tiêu hủy 06 mảnh gỗ Sến làm mẫu vật chứng của vụ án. Miễn án phí cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Mùa A H tranh luận: đồng ý với nội dung cáo trạng và lời khai bị cáo đã trình bày; bị cáo H đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, hoàn cảnh gia đình túng thiếu, hiểu biết về đời sống xã hội và pháp luật rất hạn chế; sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, nhân thân tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo H cũng vì nhà ở sắp đổ nát và không có cách nào khác đã đi cắt xẻ trái phép 03 cây gỗ trong rừng đặc dụng nhưng sau khi bị phát hiện đã phối hợp tốt với cơ quan chức năng điều tra tội phạm nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có ông nội là Mùa A S được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 vì vậy, mong Hội đồng xét xử mở rộng khoan hồng cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đủ điều kiện để dẫn đê giáo dục bị cáo; bị cáo là hộ nghèo nên đề nghị miễn phạt bổ sung và án phí đối với bị cáo; những vấn đề khác theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho các bị cáo Thào A N, Thào A S tranh luận: các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, phong tục tập quán

còn lạc hậu, đều có hoàn cảnh gia đình túng thiếu, hiểu biết về đời sống xã hội và pháp luật rất hạn chế, tính chất vai trò là đồng phạm giản đơn; sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Hai bị cáo đã tích cực hợp tác với các cơ quan tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nhân thân hai bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. các bị cáo là hộ nghèo, thu nhập từ làm ruộng, nương nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung và án phí đối với các bị cáo; những vấn đề khác theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo bổ sung bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B; xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện nguyên đơn dân sự tranh luận: nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát, cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất; không đề nghị các bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tranh luận: nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát và không có yêu cầu đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Mùa A H, Thào A N và Thào A S, có đủ cơ sở để khẳng định:

Ngày 21/7/2018, bị cáo Mùa A H đã có hành vi thuê hai bị cáo Thào A N và Thào A S chặt hạ và xẻ 03 cây gỗ Sến tại Tiểu khu 383, khoảnh 6, lô 4 rừng đặc dụng T để lấy gỗ trái phép về làm nhà với giá tiền công là 15.000.000 đồng. Mặc dù biết rừng đặc dụng T không được phép khai thác, song do háo lợi nên hai bị cáo Thào A N, Thào A S đồng ý. Hai bị cáo Thào A N và Thào A S đã thực hiện hành vi chặt hạ và xẻ 3 cây gỗ từ ngày 21/7/2018 đến ngày 25/7/2018. Sau khi xẻ gỗ xong cả ba vận chuyển số gỗ xẻ được xuống cạnh đường dân sinh. Đến ngày 23/8/2018, Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng T phát hiện thu giữ vật chứng gồm: 82 thanh gỗ xẻ khối lượng 6,828m³ quy đổi ra gỗ tròn là 10,924m³; 04

khúc gỗ tròn khối lượng $5,077\text{m}^3$. 03 gốc cây còn lại tại hiện trường chưa khai thác hết có khối lượng là $2,672\text{m}^3$ tổng khối lượng gỗ là $18,673\text{m}^3$ có giá trị theo kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 24/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện B là 82.647.900 đồng.

Hành vi khai thác trái phép lâm sản trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về khai thác bảo vệ rừng; xâm hại đến tài nguyên rừng, xâm hại đến hệ sinh thái, ảnh hưởng đến sự bền vững, ổn định của môi trường, ảnh hưởng trật tự trị an của địa phương, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và điểm a khoản 1 Điều 52 Luật Lâm nghiệp thì hành vi cắt hạ, xẻ cây gỗ Sến đỏ có khối lượng gỗ tròn là $18,673\text{m}^3$ tại tiểu khu 383, khoảnh 6, lô 4 rừng đặc dụng T là hành vi bị nghiêm cấm. Bản thân các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả của hành vi là trái pháp luật, nhưng đã cố ý thực hiện cắt hạ và xẻ gỗ khai thác trái phép. Trên cơ sở đó đủ điều kiện căn cứ kết luận hành vi trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết các bị cáo phạm tội, đề nghị hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cũng như ý kiến tranh luận, bào chữa của những người tham gia tố tụng.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án:

Bị cáo Mùa A H trước khi phạm tội là Trưởng bản H, Đảng viên dự bị Đảng cộng sản Việt Nam, đại biểu Hội đồng nhân dân xã H bị cáo là người có trình độ hiểu biết nhất định, đã được đào tạo qua các trường, lớp, có khả năng nhận thức và am hiểu pháp luật, bị cáo Mùa A H, Thào A N, Thào A S đã được tuyên truyền về cấm khai thác trái phép lâm sản, được ký cam kết bảo vệ rừng nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước. Các bị cáo chỉ vì lợi ích cá nhân, đã cố ý cùng nhau thực hiện hành vi khai thác trái phép 03 cây gỗ Sến đỏ có khối lượng gỗ tròn là $18,673\text{m}^3$ trong rừng đặc dụng. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, được quy định tại điểm e khoản 3, Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Xét về vai trò phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án giữa các bị cáo không có sự phân công, không có sự cấu kết chặt chẽ, đối chiếu theo quy định tại các Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án là khác nhau, trong đó bị cáo Mùa A H là chủ mưu là người giữ vai trò chính (là người đứng ra thuê hai bị cáo Thào A N, Thào A S và là người giám sát, chỉ đạo hai bị cáo N, S xẻ gỗ theo yêu cầu của mình), bị cáo Thào A N và Thào A S là người giúp sức thực hành tích cực (mang cưa máy, trực tiếp cắt hạ cây gỗ) cắt và xẻ trái phép gỗ trong rừng đặc dụng. Vì vậy cần vận dụng Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo trong vụ án có đồng phạm.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo Mùa A H, Thào A N, Thào A S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội luôn mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt. Sau khi cơ quan chức năng phát hiện vật chứng, mặc dù thời gian khai thác đã xong gần một tháng, nhưng khi gọi hỏi các bị cáo đều tự giác khai nhận tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm đồng thời khai báo chỉ nơi cất giấu và giao nộp vật chứng phương tiện phạm tội. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét về nhân thân các bị cáo là người dân lao động, dân tộc thiểu số, bị cáo Thào A N, Thào A S đều không biết chữ, nhận thức pháp luật rất hạn chế, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, hoàn cảnh kinh tế gia đình thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo. Hai bị cáo Mùa A H, Thào A N là con, cháu của gia đình có công (Ông Mùa A S là ông nội của bị cáo H đã được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, ông Thào Chông D là bố đẻ của bị cáo Thào A N được chứng nhận đeo Huân chương) nên cho các bị cáo còn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu có nhiều tình tiết giảm nhẹ cần vận dụng điều 54 xem xét xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn. Song bị cáo Mùa A H là người chủ mưu, có vai trò chính trong vụ án cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội, đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm tại địa phương trong giai đoạn hiện nay. Đối với hai bị cáo Thào A N, Thào A S giữ vai trò giúp sức chỉ là người làm thuê cho bị cáo H, nhất thời phạm tội, một phần tác động do hoàn cảnh gia đình quá túng bấn, các bị cáo thực sự hối lỗi về hành vi. Trước khi phạm tội bản thân và gia đình đều chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nên chưa cần cách ly hai bị cáo ra ngoài xã hội mà chỉ cần giao hai bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát cải tạo tại địa phương, tạo điều kiện giúp các bị cáo có cơ hội tự cải tạo trở thành người có ích cho xã hội. cần áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự giao hai bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú của hai bị cáo giám sát giáo dục theo quy định

[4] Bị cáo Mùa A H đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Thời gian tạm giam được tính vào thời gian thụ hình. Đối với hai bị cáo Thào A N, Thào A S thời gian tạm giam từ ngày 15/01/2019 đến nay sẽ được tính trừ nếu buộc phải chấp hành hình phạt tù.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 4, Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ

và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp, không có tài sản riêng có giá trị, hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo rất khó khăn thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án: đối với 82 thanh gỗ Sến đỏ (khối lượng $6,828\text{m}^3$ gỗ xẻ); 04 khúc gỗ tròn (khối lượng $5,077\text{m}^3$) là tài sản các bị cáo khai thác trái phép và 01 lam cửa máy bằng kim loại; 01 dây xích máy cửa bằng kim loại thép cũ, đã qua sử dụng là phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên cần vận dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 15.000.000 đồng bị cáo Mùa A H trả tiền công cho hai bị cáo Thào A N và Thào A S, hai bị cáo Thào A N, Thào A S đã sử dụng và chia nhau tiêu sài hết. Đây là tiền do phạm tội mà có cần vận dụng điểm b, khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 truy thu tịch thu nộp ngân sách theo quy định.

Đối với 03 gốc cây còn lại có khối lượng $2,672\text{m}^3$ là tài sản thuộc rừng đặc dụng T, do Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng T quản lý và bảo vệ nên trả lại cho Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng T theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 06 (sáu) mảnh gỗ Sến làm mẫu vật chứng xét không còn giá trị sử dụng cần vận dụng điểm c, khoản 2, Điều 106 tịch thu tiêu hủy.

Đối với số vật chứng gồm: 01 chiếc cửa máy; 02 chiếc xe máy; 02 chiếc điện thoại di động; 02 nhựa loại 10 lít, loại 20 lít; 01 chiếc dũa bằng kim loại, 01 thước đo, 01 đoạn dây dù, 01 con dao; xoong nồi, bát đĩa cũ, 30 lít xăng, gạo, muối hai bị cáo N và S đã sử dụng trong quá trình khai thác gỗ không còn cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được nên việc xử lý không đặt ra.

[7] Về án phí: các bị cáo là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Mùa A H, Thào A N, Thào A S phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

Căn cứ vào điểm e khoản 3 Điều 232; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Mùa A H 4 năm (bốn năm) 06 tháng (sáu tháng) tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày 15/01/2019 là ngày bắt tạm giam giữ đối với bị cáo

Căn cứ vào điểm e khoản 3 Điều 232; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 4, Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Thào A N 36 tháng (ba mươi sáu tháng) tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng (sáu mươi tháng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Thào A N cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Thào A S 36 tháng (ba mươi sáu tháng) tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng (sáu mươi tháng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Thào A S cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trả tự do cho hai bị cáo Thào A N, Thào A S ngay tại phiên tòa, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 82 thanh gỗ Sến đỏ (khối lượng 6,828m³ gỗ xẻ); 04 khúc gỗ tròn (khối lượng 5,077m³); 01 lam cửa máy bằng kim loại; 01 dây xích máy cửa bằng kim loại cũ, đã qua sử dụng.

Truy thu tịch thu nộp ngân sách nhà nước 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) của Thào A N.

Truy thu tịch thu nộp ngân sách nhà nước 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) của Thào A S.

Trả lại 03 gốc cây có khối lượng là 2,672m³ thuộc tiểu khu 383, khoảnh 6, lô 4 rừng đặc dụng T cho Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng T quản lý bảo vệ theo quy định.

Tịch thu tiêu hủy 06 (sáu) mảnh gỗ Sến làm mẫu vật chứng.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án huyện B, tỉnh Sơn La).

Về án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Mùa A H, Thào A N, Thào A S.

Báo cho các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND,CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Thái Văn Tùng